

Xây dựng kĩ năng tư duy sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học cho sinh viên theo phong cách Hồ Chí Minh

Nguyễn Thị Hiền Oanh

Email: nthoanh@squ.edu.vn
Trường Đại học Sài Gòn
273 An Dương Vương, Phường 3,
Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TÓM TẮT: Với bất kì quốc gia nào trên thế giới, thanh niên, học sinh, sinh viên chính là tương lai của đất nước, là lực lượng nòng cốt để xây dựng đất nước giàu mạnh, phát triển. Chính vì thế, lúc sinh thời, Hồ Chí Minh hết sức quan tâm tới lực lượng nòng cốt của nước nhà. Một trong những biểu hiện của tinh hoa Hồ Chí Minh chính là phong cách của Người. Đó là một chỉnh thể thống nhất của phong cách tư duy, phong cách làm việc, phong cách diễn đạt, phong cách ứng xử. Bài viết phân tích phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo của Hồ Chí Minh, từ đó xây dựng kĩ năng tư duy sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học cho sinh viên.

TỪ KHÓA: Hồ Chí Minh, phong cách tư duy, sinh viên, xây dựng, kĩ năng tư duy sáng tạo.

→ Nhận bài 30/8/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 10/9/2023 → Duyệt đăng 25/12/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12311208>

1. Đặt vấn đề

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người Việt Nam điển hình cho tinh hoa dân tộc, là sự tiếp nối những truyền thống quý báu của ông cha ta từ ngàn xưa. Chính Người đã nâng những giá trị ấy lên một tầm cao mới trong sự phát triển không ngừng của những giá trị văn hóa nhân loại. Tài sản Người để lại cho đời sau không phải là những tầm huy chương, không phải những khối của cải vật chất, mà đó chính là tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người. Đó là tài sản tinh thần vô giá của toàn Đảng, toàn dân và những người yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hôm nay, mỗi con người Việt Nam nói chung và đặc biệt là thanh niên trí thức (sinh viên) nói riêng cần biết phải luôn hoàn thiện mình để đáp ứng sự phát triển tất yếu của xã hội và bản thân. Một trong những biện pháp hữu hiệu đó là học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đó là tấm gương chân thực, gần gũi và mẫu mực để mỗi người Việt Nam khi “làm theo” Người luôn cảm thấy tự hào vì ngưỡng mộ và kính yêu Người.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo

Phong cách Hồ Chí Minh là những đặc trưng giá trị, mang đậm dấu ấn của Người, được thể hiện trong mọi lĩnh vực đời sống và hoạt động cách mạng. Một trong những biểu hiện của tinh hoa Hồ Chí Minh chính là phong cách của Người. Đó là một chỉnh thể thống nhất của phong cách tư duy, phong cách làm việc, phong cách diễn đạt, phong cách ứng xử. Chúng có mối quan

hệ mật thiết với nhau, trong đó phong cách tư duy giữ vai trò chủ đạo. Vì vậy, việc nghiên cứu phong cách tư duy Hồ Chí Minh không tách khỏi phong cách của Người.

Phong cách tư duy Hồ Chí Minh là những biểu hiện đặc thù, sinh động của phương pháp tư duy biện chứng duy vật; là cách thức vận dụng sáng tạo phương pháp tư duy ấy tạo ra những nét riêng, độc đáo, đặc sắc có tính hệ thống, ổn định của Người [1].

Phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo của Hồ Chí Minh là sự kết tinh từ tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại, là tài sản tinh thần quý báu của Nhân dân ta, giá trị hợp thành nền văn hóa Việt Nam:

Phong cách tư duy độc lập: Độc lập là không lệ thuộc, không phụ thuộc, bất chước, không rập khuôn, giáo điều. Người đúc kết, tổng hòa thành cái riêng mà không sao chép, giáo điều, máy móc.

Phong cách tư duy tự chủ: Là chủ động suy nghĩ và làm chủ suy nghĩ của mình, tự chịu trách nhiệm trước dân, trước nước, biết làm chủ bản thân và công việc.

Phong cách tư duy sáng tạo: Là vận dụng đúng quy luật chung cho phù hợp với cái riêng, cái đặc thù. Đồng thời, sáng tạo cũng là tìm tòi, đề xuất những cái mới mà có thể trả lời được những câu hỏi của cuộc sống đặt ra. Sáng tạo là sẵn sàng từ bỏ những cái cũ đã lỗi thời, không phù hợp với thực tiễn.

Tư duy độc lập, tự chủ trên tinh thần: “Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào” [2, tr.162]. Theo Hồ Chí Minh: “Cái gì cũ mà xấu thì phải bỏ; cái gì cũ mà không xấu nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại

cho hợp lí; cái gì cũ mà tốt thì phải phát triển thêm; cái gì mới mà hay thì ta phải làm” [2, tr.112]. Người yêu cầu thanh niên, sinh viên: “Phải hiểu rõ học thế nào? Học cái gì? Học để làm gì?”. “Học để làm gì? Học để phục vụ ai? Đó là hai câu hỏi cần phải trả lời dứt khoát thì mới có phương hướng” [3, tr.399]. Người chỉ rõ: “Dưới chế độ thực dân, phong kiến, mục đích đi học là cốt được mảnh bằng để làm ông thông, ông phán, lĩnh lương nhiều, ăn ngon, mặc đẹp. Thế thôi. Số phận dân tộc thế nào, tình hình thế giới biến đổi thế nào, không hay, không biết gì hết. Mục đích giáo dục nô lệ hầu hạ chúng. Ngày nay, ta đã được độc lập, tự do, thanh niên mới thật là người chủ tương lai của nước nhà. Muốn xứng đáng vai trò là người chủ thì phải học tập. Học bây giờ với học dưới chế độ thực dân, phong kiến khác nhau”, “Học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, khoa học kĩ thuật và quân sự” [4, tr.375] và “Học để phụng sự ai? Để phụng sự Tổ quốc, phụng sự Nhân dân, làm cho dân giàu, nước mạnh, tức là để làm tròn nhiệm vụ người chủ của nước nhà” [5, tr.95].

Trong học tập, Người nhắc nhở sinh viên Việt Nam rằng: “Làm nghề gì cũng phải học” và mục đích của việc học là để “Nâng cao năng lực làm cho kinh tế phát triển, chiến đấu thắng lợi, đời sống Nhân dân càng no ấm, vui tươi”. Người cũng luôn lưu ý sinh viên rằng, để việc học tập thành công và trở nên hữu ích thì học phải đi đôi với hành, lí thuyết phải đi cùng thực tiễn. Người nói: “Chỉ biết lí thuyết mà không biết thực hành thì cũng là trí thức có một nửa, “Lí luận phải gắn liền với thực tế” [5, tr.496]. Người nói: “Chỉ biết lí luận (lí thuyết) mà không biết thực hành thì cũng là trí thức có một nửa. Vì vậy, các cháu trong lúc học về lí luận thì cũng phải kết hợp với thực hành” [6, tr.89]. Người nhấn mạnh sự cần thiết để xây dựng chủ nghĩa xã hội: “Cần có lao động, lao động trí óc và lao động chân tay. Và cần lao động trí óc kèm lao động chân tay, nghĩa là lao động chân tay cũng phải có văn hoá, mà người lao động trí óc cũng phải làm được lao động chân tay. Nếu lao động trí óc không làm được lao động chân tay và lao động chân tay không có trí óc thì đó là người lao động bán thân bất toại...” [3, tr.401]. Người nhắc nhở các nhà trường không nên đào tạo ra những con người thuộc sách lâu lâu... Hồ Chí Minh căn dặn thế hệ trẻ phải thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất, đạo đức, lối sống. Người nhấn mạnh: “Thanh niên phải có đức, có tài. Có tài mà không có đức ví như một anh làm kinh tế tài chính rất giỏi nhưng lại đi đến kết thúc thì chẳng những không làm được gì ích lợi cho xã hội, mà còn có hại cho xã hội nữa. Nếu có đức mà không có tài ví như ông Bụt không làm hại gì nhưng cũng không lợi gì cho loài người” [3, tr. 399]. Người yêu cầu rèn luyện để có đạo đức cách mạng. Người giải thích đạo đức cách mạng rất giản dị, cụ thể: “Đạo đức cách mạng

không phải là những điều cao siêu, xa lạ mà đối với mỗi người bất kì ở cương vị nào, bất kì làm một việc gì đều không sợ khó, không sợ khổ, đều một lòng một dạ phục vụ lợi ích chung của giai cấp, của Nhân dân, đều nhằm mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội” [4, tr.252]. “Đạo đức cách mạng không phải từ trên trời rơi xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong” [4, tr.253]. Người coi “Đạo đức là cái gốc của người cách mạng. Để làm tròn trách nhiệm, thanh niên ta phải nâng cao tinh thần làm chủ tập thể, trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân, chớ phô trương hình thức, chớ kiêu ngạo tự mãn” [4, tr.552]. Hồ Chí Minh khuyên thanh niên phải luôn tự cải tạo để tiến bộ mãi. Tự cải tạo là quá trình thanh niên nhìn nhận lại bản thân, tự đánh giá ưu, khuyết điểm của mình, không ngừng phấn đấu vươn lên đáp ứng được yêu cầu của xã hội, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Người nói: “Thanh niên bây giờ là một thế hệ vẻ vang, vì vậy phải tự giác, tự nguyện mà tự động cải tạo tư tưởng của mình để xứng đáng với nhiệm vụ của mình” [3, tr.399].

Tư duy sáng tạo: Theo Người, về cách học phải tự học làm cốt, trong tự học phải xác định được mục đích học tập và động cơ học tập đúng đắn. Muốn tự học thành công phải kiên trì, bền bỉ, có kế hoạch học tập và quan trọng phải có phương pháp học tập phù hợp. Người hướng dẫn thanh niên phải học ở trường, ở sách vở, học lẫn nhau và học Nhân dân; phải có thái độ nghiêm túc, khiêm tốn, thật thà trong học tập, không giấu dốt, điều chưa biết thì hỏi; phải đào sâu suy nghĩ; phải học suốt đời... Nhớ lời dạy của Hồ Chí Minh, mỗi thế hệ sinh viên Việt Nam: “Cần phải có chí tự động, tự cường, tự lập; Phải có khí khái ham làm việc chứ không ham địa vị; Phải có quyết tâm, đã làm việc gì thì làm cho đến nơi đến chốn, làm cho kì được; Phải có lòng ham tiến bộ, ham học hỏi, học mãi. Học văn hóa, học chính trị, học nghề nghiệp...” [4, tr.357].

Việc học tập, vận dụng phong cách tư duy Hồ Chí Minh hiện nay là một việc vừa có ý nghĩa cấp bách, vừa lâu dài đối với nhiệm vụ bồi dưỡng và hoàn thiện nhân cách của mỗi người, đặc biệt là sinh viên. Bởi vì:

Thứ nhất, sinh viên hiện nay chưa hiểu nhiều, chưa quan tâm nhiều đến việc xây dựng cho mình một phong cách tư duy tối ưu nhất, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của học tập.

Thứ hai, phong cách tư duy không phải là bẩm sinh có mà chủ yếu của quá trình chủ thể tư duy phấn đấu, rèn luyện mà có. Vì vậy, mỗi cá thể phải biết rèn luyện để có một phong cách tư duy khoa học nhất, tối ưu nhất thông qua hoạt động thực tiễn của bản thân chủ thể đó.

Thứ ba, với những đặc trưng cơ bản của phong cách tư duy Hồ Chí Minh cho ta thấy phong cách ấy vừa mang tính độc đáo riêng của Người lại vừa mang tính

phổ biến bởi tính dân tộc, khoa học, cách mạng của nó. Vì vậy, cần nhân rộng phong cách ấy trong mỗi người, đặc biệt là sinh viên.

Thứ tư, phong cách tư duy Hồ Chí Minh với đặc trưng gần gũi, thiết thực, hiệu quả nên cần thiết đối với mỗi người có nhu cầu hoàn thiện mình, nhất là sinh viên.

Thứ năm, học tập phong cách tư duy Hồ Chí Minh là học tập tinh thần, tư tưởng, thái độ, phương pháp của Người chứ không phải “rập khuôn” tư duy của Người.

Thứ sáu, học tập phong cách tư duy Hồ Chí Minh cũng là sự cụ thể hóa nhiệm vụ xây dựng thế giới quan Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong đời sống tinh thần của xã hội.

2.2. Kỹ năng tư duy sáng tạo

2.2.1. Khái niệm tư duy sáng tạo

Tư duy sáng tạo là kiểu tư duy đặc biệt, là một quá trình độc đáo, không chỉ là thao tác với những thông tin đã biết theo con đường logic hay lấy ra từ trí nhớ. Nghĩ sáng tạo là nhìn một vấn đề, một câu hỏi theo những cách khác với thông thường, tức là nhìn mọi thứ từ các góc độ, tầm nhìn khác nhau, “nhìn” theo những cách không bị hạn chế bởi thói quen, phong tục, bởi tiêu chuẩn. Tư duy sáng tạo được hiểu là: Khả năng giải quyết vấn đề bằng cách tạo ra cái mới, bằng cách thức mới nhưng đạt được kết quả một cách hiệu quả, hoặc khả năng giải quyết vấn đề hiệu quả dựa trên sự phân tích lựa chọn các giải pháp tốt nhất có thể có. Cách giải quyết này thường là mới, mang tính sáng tạo và hướng đến xu thế tối ưu.

Như vậy, học kỹ năng tư duy sáng tạo là học các cách thức, kỹ thuật để có những cách tiếp cận, nhìn nhận và giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, mới mẻ và hữu ích. Đó là kiểu tư duy ra khỏi “chiếc hộp”, ra khỏi “lối mòn” [7, tr.11-12].

2.2.2. Ba thành phần của sáng tạo

Nhà khoa học Teresa Amabile cho rằng, sáng tạo bao gồm ba thành phần, cụ thể như sau:

- *Sự thông thạo kiến thức*: Để tạo ra một phần mềm mới, các nhà lập trình phải am hiểu rất rõ về các kỹ thuật lập trình cũng như cách thức và quy trình để tạo ra phần mềm. Ví dụ, những nhà soạn nhạc thiên tài phải có kiến thức cực kỳ uyên bác về âm nhạc.

- *Những kỹ năng tư duy sáng tạo*: Được xem là cách con người tiếp cận vấn đề một cách linh hoạt và giàu trí tưởng tượng như thế nào. Các giải pháp mà họ suy nghĩ có khả năng vượt ra những tư duy bình thường. Thuật ngữ này được mô tả là khả năng “Suy nghĩ ra ngoài chiếc hộp (thinking out of box)”, tức là những suy nghĩ vượt ra những lề thói thông thường mà chúng ta gặp hàng ngày.

- *Động cơ*: Được hiểu là các yếu tố thôi thúc cá nhân

tìm ra những giải pháp sáng tạo. Nó quy định phương hướng, mục đích, cường độ của hoạt động, thể hiện ở tinh thần say mê, tính tích cực hoạt động được tạo ra chủ yếu nhờ hứng thú, sự thỏa mãn nhu cầu chiếm lĩnh ý tưởng mới, phức tạp và thách thức bằng chính hoạt động sáng tạo [7, tr.13-15].

2.3. Xây dựng kỹ năng tư duy sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học cho sinh viên

2.3.1. Xây dựng kỹ năng tư duy sáng tạo trong học tập cho sinh viên

Để học tập đạt kết quả, hứng thú là một tác nhân không thể thiếu trong học tập. Hứng thú là một trong những biểu hiện xu hướng của con người, là sự xuất hiện nhiều nhất trong nhu cầu, là sự chú ý đặc biệt của con người đến một đối tượng nào đó, là sự khao khát của con người muốn tiếp cận đến đối tượng để đi sâu tìm hiểu. Hứng thú có ý nghĩa quan trọng. Hứng thú làm cho con người làm việc chăm chỉ, quên mệt mỏi, là một nhân tố kích thích hoạt động của con người, kích thích khả năng tìm tòi, sáng tạo của họ.

Hứng thú học tập giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả của quá trình học tập. Nhờ hứng thú mà trong quá trình học tập có thể giảm mệt mỏi, căng thẳng, tăng sự chú ý, thúc đẩy sự tìm tòi sáng tạo, tự học, tự nghiên cứu.

Quá trình dạy - học gồm năm thành tố cơ bản: mục đích dạy học, nội dung dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, phương tiện và thiết bị dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

a. Từ phía người học

Trình độ phát triển trí tuệ của người học. Đây là yếu tố quan trọng giúp sinh viên nhận thấy tầm quan trọng của việc học có ý nghĩa đối với cuộc sống và nghề nghiệp trong tương lai.

Thái độ đúng đắn đối với môn học. Khi sinh viên có trình độ phát triển trí tuệ nhất định, họ sẽ thể hiện thái độ học tập tích cực, chủ động, sáng tạo để chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng, kỹ xảo khi học tập.

Biểu hiện về mặt xúc cảm: Sinh viên có xúc cảm tích cực (yêu thích, say mê, tìm tòi,...) đối với các môn khoa học. Sinh viên coi việc học tập, nghiên cứu các môn khoa học là niềm vui, niềm hạnh phúc.

Biểu hiện về mặt nhận thức: Sinh viên nhận thức đầy đủ, rõ ràng về khái niệm, mục tiêu, sự cần thiết và những nguyên nhân của sự yêu thích trên. Những nguyên nhân đó có thể trực tiếp liên quan đến đối tượng của hoạt động học tập các môn học (nội dung, phương pháp học tập...), hoặc liên quan gián tiếp đến đối tượng trên (môn học được ứng dụng nhiều trong thực tiễn, giảng viên giảng hay,...).

Biểu hiện về mặt hành động: Sinh viên biểu hiện bằng cách hành động học tập tích cực, chủ động, sáng tạo không chỉ trong giờ lên lớp mà còn ở ngoài lớp hàng

ngày như chăm chú nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, tập trung chú ý cao, tham gia xây dựng bài, làm bài tập đầy đủ, chuẩn bị bài trước khi đến lớp, đi học chuyên cần, đúng giờ, đọc thêm nguồn tài liệu về các môn, nêu thắc mắc về các vấn đề khó hiểu với giảng viên, quyết tâm vượt qua khó khăn để đạt được mục đích học tập.

Biểu hiện về mặt kết quả học tập: Kết quả học tập xếp loại A, B.

b. Từ các yếu tố bên ngoài

Đặc điểm của môn học: Cơ cấu, nội dung, tính chất, sắp xếp chương trình môn học theo ngành học.

Người dạy: Bộc lộ qua trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm, thái độ trong việc tổ chức, điều khiển quá trình dạy - học. Đây là yếu tố quan trọng nhất tạo nên hứng thú cho người học.

Điều kiện cơ sở vật chất: Sách vở, phương tiện dạy học. Tuy không phải là yếu tố quyết định nhưng lại là yếu tố cần thiết tác động đến kết quả học tập của người học. Người học được học tập trong môi trường vật chất đầy đủ sẽ cảm thấy thoải mái, dễ chịu, hiểu bài, kết quả học tập tốt hơn.

Môi trường học tập: Không khí lớp học, mối quan hệ bạn bè, thầy cô... Tập thể lớp có nền nếp, có sự thi đua học tập giúp từng cá nhân vươn lên trong cuộc sống cũng như trong học tập.

Đề tạo ra hứng thú cho việc học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên, sinh viên cần nhận thức ý nghĩa tầm quan trọng, tác dụng của nghiên cứu khoa học đối với mục tiêu đào tạo của trường đại học, cao đẳng nói chung và đối với quá trình học tập của bản thân sinh viên nói riêng.

Như vậy, cần đưa vào nội dung học tập các bộ môn thuộc nghiên cứu khoa học những thành tựu hiện đại, đồng thời cũng phải gắn với thực tiễn giáo dục của đất nước.

Phương pháp kích thích sinh viên tích cực nhận thức học tập có vai trò không kém phần quan trọng để tạo động cơ, hứng thú, phát triển tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo cho sinh viên. Phương pháp dạy học tích cực được thực hiện qua nhiều hình thức dạy học khác nhau: seminar, hội nghị khoa học, câu lạc bộ khoa học, hội thi nghiệp vụ sư phạm và các hình thức nghiên cứu khoa học khác... sẽ tạo nên hứng thú mạnh mẽ đối với sinh viên.

Các điều kiện và phương tiện, đặc biệt là các phương tiện hiện đại luôn cần thiết để hỗ trợ cho quá trình nghiên cứu đạt được kết quả cao. Khi sử dụng các phương pháp nghiên cứu, tài liệu tham khảo, phương tiện kỹ thuật, sinh viên sẽ tăng thêm sự say mê, tính tìm tòi, nhu cầu hiểu biết tạo hứng thú trong học tập và nghiên cứu khoa học cho sinh viên.

- Xác định mục tiêu học tập tích cực: Học tập theo hình thức tín chỉ như hiện nay thì sinh viên là trung tâm.

Ngoài kiến thức giảng viên truyền đạt trên lớp, sinh viên phải tự học, tự nghiên cứu thêm tài liệu. Việc tự học của sinh viên giữ vai trò rất quan trọng. Nó là nhân tố trực tiếp nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường đại học. Bên cạnh đó, tự học còn góp phần nâng cao hoạt động trí tuệ của sinh viên trong việc tiếp thu và hiểu tri thức mới, rèn luyện cho sinh viên có cách độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết các vấn đề khó khăn trong quá trình học. Sinh viên tự tin hơn trong việc lựa chọn cuộc sống của mình và thúc đẩy sinh viên lòng ham học, ham hiểu biết, vươn tới đỉnh cao của khoa học, sống có hoài bão, có ước mơ. Trong bốn năm học đại học, sinh viên trải qua từng giai đoạn nhận thức khác nhau. Chính vì vậy, rất cần xác định mục tiêu và động cơ học tập tích cực:

Năm thứ nhất, phần lớn sinh viên chưa có những phẩm chất nghề nghiệp của một ngành nhất định. Họ là con em của các dân tộc, các tầng lớp xã hội khác nhau, chủ yếu là nông thôn và thành thị. Do đó, các yếu tố bẩm sinh di truyền đã được biến đổi dưới ảnh hưởng của giáo dục gia đình, của trường phổ thông, của các phong tục tập quán địa phương và những điều kiện sống, sinh hoạt xã hội nói chung. Vào đại học, họ đã có một số phẩm chất tương đối ổn định tiêu biểu cho lối sống của tầng lớp, giai cấp và địa phương mình. Cho nên, trong tập thể sinh viên năm nhất thường xuyên có hành vi bất chước lẫn nhau thể hiện bước đầu sự thống nhất xã hội. Ở đây, sinh viên chưa có quan điểm phân hóa đối với vai trò của mình. Phương pháp học tập của sinh viên năm nhất về căn bản như cách học phổ thông. Lần đầu tiên họ được biết về cấu trúc chương trình đào tạo với số môn học, số đơn vị học trình cũng như kế hoạch dạy học. Có thể nói, đây là lần đầu tiên họ được tiếp xúc và làm quen với các học môn nghiêng về nghiên cứu với đầy đủ cơ sở của nó. Các khoa đào tạo thường xuyên tổ chức các hội nghị học tập cho sinh viên nhằm tăng cường sự trao đổi, giao lưu giữa các giảng viên với sinh viên mới nhập học, giữa sinh viên năm nhất với sinh viên năm hai, thứ ba, thứ tư về kinh nghiệm học tập. Do đó, không nên áp đặt lý thuyết về một cách học tập cho sinh viên mà điều quan trọng là tôn trọng và kích lệ sinh viên để họ bộc lộ các thói quen tốt như: đọc sách, ham thích các hoạt động khoa học, thường xuyên trao đổi, thắc mắc về chuyên môn... Trên cơ sở đó, hướng dẫn họ rèn luyện các thói quen này để phát triển cao hơn, trở thành kỹ năng học tập như: đọc sách, ghi chép bài, hệ thống hóa, tham gia các hoạt động nghiên cứu, nêu các vấn đề trong học tập và nghiên cứu hướng đến hình thành và giải quyết các vấn đề chuyên môn.

Năm thứ hai, sinh viên đã làm quen với hầu hết các hình thức giảng dạy và giáo dục ở đại học. Quá trình thích ứng đối với hoạt động học tập ở đại học về cơ bản đã hoàn thành. Do tích lũy được tri thức chung mà các nhu cầu văn hóa rộng rãi được hình thành. Sự giao tiếp

chứa nội dung học tập giữa sinh viên và giảng viên tăng lên. Đặc biệt, sinh viên đã hình thành được một phương pháp học tập có tính chất nghiên cứu; quy trình học tập đã được xác định với những yêu cầu cho bản thân có ý nghĩa thiết thực. Đến thời điểm này, những yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên đã cao hơn năm nhất; khối lượng công việc sinh viên phải hoàn thành ngày càng tăng và đòi hỏi càng cao về chất lượng. Ngoài hình thức học tập trên lớp, sinh viên có cơ hội tham gia các hình thức học tập đa dạng hơn như: hội nghị, hội thảo khoa học, báo cáo chuyên đề, tham gia các hoạt động dã ngoại, các nghiên cứu như các hoạt động thực hành thí nghiệm được tăng cường.

Năm thứ ba, hứng thú hoạt động nghiên cứu khoa học và học tập chuyên môn được phát triển theo chiều hẹp và sâu của nghề nghiệp đã chọn. Những phẩm chất có liên quan và phù hợp với nghề nghiệp tương lai được phát triển mạnh. Trong quá trình nhận thức (qua hình thức học trên lớp và tự nghiên cứu tài liệu) đã xuất hiện những tình huống, vấn đề hoặc các nội dung được sinh viên nêu ra như một lĩnh vực chủ chốt đang được quan tâm trong giới chuyên môn. Đặc biệt là nhờ có thông tin mới từ mạng Internet, tạp chí khoa học, hoặc tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nhà trường, sinh viên đã được làm quen với các hình thức nghiên cứu khoa học.

Năm thứ tư, sinh viên thực sự làm quen với các công việc của người chuyên gia khi đi thực tập ở cơ sở thuộc lĩnh vực nghề nghiệp của mình. Họ thể hiện mình trong đời sống, đối chiếu, đánh giá các giá trị có liên quan tới nghề nghiệp của bản thân; tích cực tìm tòi các thông tin nghề nghiệp và rèn luyện các kỹ năng cần thiết. Họ nghĩ đến viễn cảnh tốt nghiệp đại học và các giá trị có liên quan đến đời sống vật chất, gia đình, nơi công tác...

Phần lớn sinh viên học tập là đáp ứng mong mỏi của cha mẹ. Đối với bản thân mỗi người, gia đình là một phần không thể thiếu. Bố mẹ có vai trò rất quan trọng trong việc khuyến khích, động viên con cái học tập. Đồng thời, gia đình cũng là nền tảng vững chắc tạo nên tâm lý ổn định cho sinh viên và nhờ đó thúc đẩy sinh viên học tập. Vì vậy, học tập đạt được kết quả tốt để không phụ lòng mong mỏi của gia đình vừa là mục tiêu cũng vừa là động lực thúc đẩy sinh viên học tập.

Nâng cao trình độ hiểu biết của bản thân xã hội ngày càng phát triển, càng đòi hỏi con người phải có trình độ học vấn cao. Nhiều người học đại học không phải để kiếm việc làm một phần cũng là do nhận thức của bản thân, hiểu biết được coi trọng. Mục tiêu tự thân của những sinh viên có động cơ học tập vì hiểu biết đã chi phối cách học tập của họ.

- *Ý thức học tập và động cơ nhận thức của bản thân sinh viên*: Ý thức học tập và động cơ nhận thức có ý nghĩa quyết định trong quá trình hình thành và phát

triển năng lực nghiên cứu của sinh viên. Vì xét cho cùng, chất lượng học tập phải là kết quả trực tiếp của sự nỗ lực của chính bản thân người học. Nếu người học không xác định được vai trò quyết định của mình trong sự thành bại của sự học thì không bao giờ tự nghiên cứu thành công. Chỉ khi đã xác định được mục đích và động cơ học tập đúng đắn sinh viên mới có thể phát huy được “nội lực” trong học tập, từ đó kết hợp các yếu tố “ngoại lực” khác để tổ chức các hoạt động học tập diễn ra một cách hợp lý và thu được kết quả cao.

- *Vốn tri thức hiện có của bản thân sinh viên*: Hầu hết các môn học đều được sắp xếp theo dạng phát triển, những tri thức sau được xây dựng trên những cơ sở của tri thức đã có trước. Để chiếm lĩnh các tri thức khoa học nói chung, người học cũng như người trèo thang không qua nấc thang thấp thì không thể tiến lên nấc cao hơn. Muốn nghiên cứu có hiệu quả thì người học phải tự trang bị cho mình vốn kiến thức tối thiểu để tự nghiên cứu vấn đề mình quan tâm.

- *Năng lực trí tuệ và phương pháp tư duy*:

Năng lực trí tuệ: Là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến khả năng nắm bắt tri thức khoa học nhanh hay chậm của mỗi sinh viên.

Phương pháp tư duy: Khả năng vận dụng các thao tác tư duy cũng là một yếu tố có ảnh hưởng lớn đến khả năng nghiên cứu khoa học của sinh viên. Ngoài ra, trong quá trình học tập, việc tiếp thu tri thức, kết quả học tập của sinh viên tùy thuộc phần lớn vào tính chất và cơ cấu của tư duy tích cực của sinh viên. Tri thức là kết quả của tư duy, đồng thời là những điều kiện, phương tiện của tư duy. Vì vậy, tăng cường khả năng tư duy là một yêu cầu để nâng cao chất lượng học tập và nghiên cứu.

- *Phương pháp học tập của sinh viên*: Mỗi người có một phương pháp làm việc riêng, thói quen hoạt động trí óc riêng, không giống nhau. Vì vậy, trong quá trình dạy học, giảng viên không nên ép buộc sinh viên phải suy nghĩ theo thói quen suy nghĩ của mình. Mặt khác, giảng viên cần chú ý bồi dưỡng phát triển các thói quen chưa có cũng như còn yếu của sinh viên, từ đó góp phần hình thành phương pháp học tập, kỹ năng nghiên cứu cho họ [8, tr.247].

- *Xác định động lực học tập tích cực*:

Học để thành đạt: Được hiểu như những yếu tố tâm lý bên trong thôi thúc con người vươn tới sự thành thạo, điều luyện nhằm đạt được kết quả cao nhất trong công việc.

Học do tự điều khiển: Thể hiện sự điều chỉnh và kiểm tra những rung cảm, hành vi của mình. Nhu cầu tự điều khiển được phản ánh qua niềm tin và ý chí của mỗi cá nhân. Niềm tin tạo cho con người nghị lực, ý chí để hành động phù hợp và việc học để hiểu biết nhiều hơn, làm chủ bản thân.

Học vì tương lai: Có tác động giúp động cơ được hình thành một cách rõ ràng và đúng đắn. Triển vọng tương lai định hướng nghề nghiệp và cuộc sống sau này của mỗi cá nhân.

2.3.2. Xây dựng kĩ năng tư duy sáng tạo trong nghiên cứu khoa học cho sinh viên

Quá trình học tập, nhất là học tập của sinh viên có khá nhiều điểm tương đồng với quá trình nghiên cứu khoa học của nhà khoa học. Nhà khoa học nghiên cứu khi nảy sinh ý tưởng mới hoặc được giao nhiệm vụ, còn sinh viên thường nghiên cứu khi được giao nhiệm vụ nhận thức. Hoạt động học tập hay nghiên cứu khoa học thường được tiến hành qua các khâu phát hiện vấn đề hoặc nhận nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và ứng dụng kết quả.

Có thể coi nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ học tập có nhiều nét tương đồng với một đề tài nghiên cứu mà người học phải thực hiện và sau khi hoàn thành, người học vừa có được tri thức mới vừa có được phương pháp nhận thức tri thức đó. Vì thế, việc tổ chức dạy học cho sinh viên theo hướng nghiên cứu khoa học sẽ mang lại nhiều ích lợi, nhất là trong bối cảnh người lao động cần phải “học tập suốt đời”.

Bằng nội dung môn học và việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, bằng các hoạt động khoa học trong và ngoài trường..., giảng viên giúp sinh viên tiếp cận với nghiên cứu khoa học. Việc giảng dạy nêu vấn đề tạo cho sinh viên ý muốn tìm tòi chân lí, hướng sinh viên tới phân tích, phê phán, làm sáng tỏ một cách độc lập các nội dung khoa học. Giảng viên cần khuyến khích và tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận các nguồn thông tin nghiên cứu mới ở thư viện, Internet... giao các bài tập có tính chất nghiên cứu cho cá nhân cũng như cho nhóm sinh viên; tổ chức cho sinh viên tự tìm đọc tài liệu. Đó là những cách thức hiệu quả nhằm định hướng, góp phần hình thành lòng say mê, ham muốn nghiên cứu khoa học trong sinh viên [8, tr. 245]. Để sinh viên hứng thú nghiên cứu khoa học cần áp dụng các hình thức sau:

Thứ nhất, tăng cường vận dụng dạy học theo hình thức seminar. Seminar là một hình thức tổ chức dạy học cơ bản ở trường đại học, trong đó sinh viên thảo luận các vấn đề khoa học đã tự tìm hiểu, dưới sự hướng dẫn của một giảng viên am hiểu về lĩnh vực đó. Seminar là cơ hội tốt để rèn luyện cho sinh viên một số kĩ năng: Lập danh mục tài liệu tham khảo, phân tích tài liệu, áp dụng các phương pháp nghiên cứu... Trong seminar, tính tích cực của sinh viên được phát huy. Sinh viên được nghiên cứu tài liệu một cách khoa học, biết phân tích phê phán những ý kiến khác nhau trước một chủ đề nêu ra, biết lập luận để bảo vệ ý kiến của mình trước tập thể, có thể suy nghĩ về một vấn đề dưới nhiều góc độ,

làm nảy sinh các thắc mắc, kích thích sự tìm tòi sâu sắc.

Thứ hai, vận dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề dạy sinh viên phương pháp giải quyết một vấn đề khoa học, kết hợp thực tiễn để xây dựng các chủ đề, vấn đề (một kiểu đề tài nhỏ) giao cho sinh viên tự đọc sách, tự nghiên cứu tìm hiểu kiến thức rồi vận dụng kiến thức để giải quyết chủ đề, vấn đề đó. Qua đó, người học vừa nắm được nội dung dạy học vừa có năng lực nghiên cứu.

Thứ ba, dạy học theo định hướng nghiên cứu khoa học. Bản chất của dạy học theo định hướng nghiên cứu khoa học là tổ chức quá trình người học lĩnh hội nội dung dạy học theo logic nghiên cứu khoa học. Trong hướng dạy học này, dưới sự tổ chức, hướng dẫn và cố vấn của người dạy, người học tự mình phát hiện, biểu đạt vấn đề thuộc các lĩnh vực tri thức khác nhau, vạch hướng giải quyết, thiết kế các nghiên cứu lí luận hay thực tiễn để giải quyết vấn đề và trên cơ sở vấn đề được giải quyết, người học nêu hay phát hiện những vấn đề mới.

Thứ tư, vận dụng phương pháp dạy học theo dự án để dạy sinh viên phương pháp nghiên cứu triển khai. Dạy học theo dự án là một phương pháp dạy học, trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, có tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu. Nhiệm vụ này được người học thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập. Từ việc xác định mục đích, lập kế hoạch, đến việc thực hiện dự án, kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện. Làm việc nhóm là hình thức cơ bản của dạy học theo dự án. Đặc trưng cơ bản của dạy học theo dự án là: Người học là “trung tâm” của quá trình dạy học; tập trung vào những mục tiêu học tập quan trọng gắn với các chuẩn; định hướng theo bộ câu hỏi khung chương trình; đòi hỏi các hình thức đánh giá đa dạng và thường xuyên; có tính liên hệ với thực tế. Người học thể hiện sự hiểu biết của mình thông qua sản phẩm và quá trình thực hiện; công nghệ hiện đại hỗ trợ và thúc đẩy việc học của người học; kĩ năng tư duy là yếu tố không thể thiếu trong dạy học theo dự án.

Thứ năm, hướng dẫn sinh viên làm bài tập lớn. Nội dung chính của biện pháp này là giảng viên hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập môn học, đề tài môn học, đồ án môn học, đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên (do khoa, trường tổ chức), đồ án tốt nghiệp. Kiến thức của một môn học sẽ được sinh viên nhận thức thông qua nhiều con đường khác nhau: đọc giáo trình được giảng viên cung cấp, bài giảng lí thuyết, thực hành, tài liệu tham khảo và kiến thức trên Internet. Với mỗi phương pháp, sinh viên thu nhận một mặt khác nhau của môn học, thậm chí khá rời rạc, thụ động.

Thứ sáu, tổ chức các chuyên đề liên quan tới chuyên ngành, liên hệ thực tiễn nghề nghiệp là phải có các kĩ

năng nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu của người lao động nên cần tổ chức các chuyên đề liên quan tới chuyên ngành kỹ thuật; mời các doanh nghiệp tới nói chuyện nhằm giúp sinh viên biết mình cần có những kiến thức và kỹ năng nào để đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp; đưa sinh viên tìm hiểu thực tế để họ tập phát hiện những đề tài có thể nghiên cứu và một số cách giải quyết vấn đề trong thực tiễn [8, tr.248].

Như vậy, việc nghiên cứu, học tập và rèn luyện theo phong cách tư duy Hồ Chí Minh là cần thiết đối với mỗi con người. Đặc biệt là đối với sinh viên hiện nay, việc làm này phù hợp với xu thế giáo dục hiện đại trên thế giới và phù hợp với môi trường giáo dục của chúng ta, nhất là ở bậc Đại học; Góp phần vào việc hình thành những con người độc lập, tự chủ, có tư duy sáng tạo, năng động, có trách nhiệm đáp ứng yêu cầu của xã hội. Muốn làm được điều đó, bản thân mỗi người phải xây dựng cho mình một phương pháp học tập đúng đắn.

3. Kết luận

Nghiên cứu, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc học tập và nghiên cứu khoa học cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng là việc làm cấp bách, mang tính chiến lược lâu dài, nhằm tạo ra động lực và sức mạnh to lớn thúc đẩy sự nghiệp đổi mới, thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Sinh viên là thế hệ trẻ, chủ nhân tương lai của đất nước, mang trong mình niềm đam mê sáng tạo, học hỏi. Trong điều kiện hiện nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, mỗi sinh viên càng có nhiều cơ hội để vươn lên tự khẳng định mình. Trong bất kì vai trò, vị trí nào, sinh viên đều phải làm tròn trách nhiệm của mình với gia đình, nhà trường và bản thân: dám làm, dám chịu trách nhiệm về những hành động của bản thân. Với sinh viên, khi bước chân vào giảng đường đại học, tất cả đều xuất phát từ mục đích học tập vì ngày mai lập nghiệp, học tập để xây dựng nước nhà giàu mạnh.

Tài liệu tham khảo

- | | |
|--|---|
| <p>[1] N.H.Điệp, (01/2017), <i>Phong cách tư duy Hồ Chí Minh</i>, Tạp chí Lí luận Chính trị, http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dao-tao-boi-duong/item/2140-hoc-tap-phong-cach-tu-duc-ho-chi-minh.html.</p> <p>[2] Hồ Chí Minh, (2011), <i>Toàn tập</i>, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 5.</p> <p>[3] Hồ Chí Minh, (2011), <i>Toàn tập</i>, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 11.</p> <p>[4] Hồ Chí Minh, (2011), <i>Toàn tập</i>, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 6.</p> | <p>[5] Hồ Chí Minh, (2011), <i>Toàn tập</i>, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 9.</p> <p>[6] Hồ Chí Minh, (2011), <i>Toàn tập</i>, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 7.</p> <p>[7] Trường Đại học Tài chính Marketing, (2021), <i>Kỹ năng tư duy sáng tạo bậc Đại học chương trình chất lượng cao</i>, 4. TLDHCLC KTD.pdf.</p> <p>[8] N.T.T. Hồng - P.H. Khoa, (5/2018), <i>Phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học của sinh viên trong dạy kỹ thuật</i>, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, kì 2.</p> |
|--|---|

DEVELOPING STUDENTS' CREATIVE THINKING SKILLS IN SCIENTIFIC RESEARCH AND LEARNING TOWARD HO CHI MINH STYLE

Nguyễn Thị Hiền Oanh

Email: nthoanh@sgu.edu.vn
 Saigon University
 273 An Duong Vuong, Ward 3, District 5,
 Ho Chi Minh City, Vietnam

ABSTRACT: *For any country in the world, young people, pupils, and students are the future of the country and the core force to build a rich, strong, and developed nation. Therefore, Ho Chi Minh was very interested in Vietnam's core force during his lifetime. One of the manifestations of Ho Chi Minh's elite is his style. It is a unified whole of thinking style, working style, expression style, and behavior style. The article focuses on analyzing his independent, autonomous, and creative thinking style, thereby developing creative thinking skills in learning and scientific research for students.*

KEYWORDS: Ho Chi Minh, thinking style, students, development, creative thinking skills.